

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 203 /2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Thông tư này áp dụng đối với nhà đầu tư, thành viên lưu ký, thành viên giao dịch, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng

khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thành viên giao dịch* là công ty chứng khoán được Sở Giao dịch Chứng khoán chấp thuận trở thành thành viên giao dịch.

2. *Hệ thống giao dịch* là hệ thống công nghệ thông tin dùng cho hoạt động giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. *Hệ thống chuyển lệnh* là hệ thống thực hiện việc chuyển các lệnh giao dịch của nhà đầu tư từ thành viên giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. *Biên độ dao động giá* là giới hạn dao động giá chứng khoán quy định trong ngày giao dịch được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) so với giá tham chiếu.

5. *Giá tham chiếu* là mức giá do Sở Giao dịch Chứng khoán xác định và được dùng làm cơ sở để xác định giá cao nhất (giá trần), giá thấp nhất (giá sàn) trong ngày giao dịch.

6. *Phương thức khớp lệnh* là phương thức giao dịch do hệ thống giao dịch thực hiện dựa trên so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán. Phương thức khớp lệnh bao gồm khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục.

7. *Phương thức thoả thuận* là phương thức giao dịch trong đó các bên tham gia giao dịch thông qua thành viên giao dịch tự thoả thuận về các điều kiện giao dịch trên hệ thống giao dịch; hoặc các bên tham gia giao dịch tự thoả thuận, thực hiện giao dịch, sau đó thông qua thành viên giao dịch ghi nhận kết quả giao dịch vào hệ thống giao dịch.

8. *Giao dịch ký quỹ* là giao dịch mua chứng khoán có sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán, trong đó chứng khoán vừa mua được sử dụng làm tài sản ký quỹ cho khoản vay nêu trên.

9. *Giao dịch trong ngày* là giao dịch mua và bán cùng một loại chứng khoán với cùng một khối lượng giao dịch, thực hiện trên cùng một tài khoản và trong cùng một ngày giao dịch.

10. *Giao dịch mua, bán bắt buộc* (buy-in, sell out) là giao dịch mà công ty chứng khoán, nhà đầu tư buộc phải thực hiện đảm bảo có đủ số lượng chứng khoán để hoàn trả cho các giao dịch vay hỗ trợ thanh toán hoặc để đáp ứng các quy định pháp luật liên quan khác.

11. *Chứng khoán giao dịch chờ về* là chứng khoán mà nhà đầu tư đã mua trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và đang trong quá trình hoàn tất chuyển quyền sở hữu.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tổ chức giao dịch chứng khoán

1. Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức giao dịch chứng khoán theo phương thức khớp lệnh và phương thức thỏa thuận.

a) Phương thức khớp lệnh trên hệ thống giao dịch phải bảo đảm nguyên tắc ưu tiên về giá và thời gian;

b) Phương thức thỏa thuận trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán được thực hiện theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức giao dịch chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, không bao gồm các trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch theo quy định pháp luật chứng khoán về đăng ký, lưu ký, thanh toán, bù trừ. Sở Giao dịch Chứng khoán được tổ chức các phiên giao dịch mua, bán bắt buộc (buy in, sell out).

3. Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán quy định cụ thể về: Thời gian giao dịch; Phương thức giao dịch; cách xác định giá tham chiếu; Biên độ dao động giá chứng khoán; các loại lệnh giao dịch; việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch; việc xác lập giao dịch và loại bỏ giao dịch chứng khoán; việc tạm ngừng giao dịch; việc công bố thông tin về kết quả giao dịch và các nội dung liên quan khác.

4. Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp mã chứng khoán cho các chứng khoán đăng ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và là tổ chức duy nhất cấp mã số định danh quốc tế ISIN cho các chứng khoán tại Việt Nam. Mã số này được sử dụng thống nhất khi niêm yết, đăng ký giao dịch.

5. Trung tâm Lưu ký chứng khoán ban hành Quy trình hướng dẫn việc sửa lỗi sau giao dịch, xử lý lỗi giao dịch và loại bỏ giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 4. Tạm ngừng giao dịch chứng khoán

1. Sở Giao dịch Chứng khoán tạm ngừng hoạt động giao dịch chứng khoán trên toàn hệ thống trong trường hợp:

a) Hệ thống giao dịch hoặc hệ thống chuyển lệnh của Sở Giao dịch Chứng khoán gặp sự cố;

b) Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn;

c) Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để ổn định thị trường;

d) Các trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Việc tạm ngừng giao dịch từng loại chứng khoán cụ thể thực hiện theo Quy chế hướng dẫn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngay khi ban hành quyết định tạm ngừng giao dịch quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Biên độ dao động giá

1. Sở Giao dịch Chứng khoán quy định biên độ dao động giá sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Trong trường hợp cần thiết để ổn định thị trường, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định điều chỉnh biên độ dao động giá.

Điều 6. Quy định chung về tài khoản giao dịch chứng khoán

1. Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán để thực hiện giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin nhận biết khách hàng khi mở tài khoản giao dịch.

2. Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trước khi mở tài khoản giao dịch chứng khoán.

3. Mỗi nhà đầu tư chỉ được mở một tài khoản giao dịch tại mỗi công ty chứng khoán, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, Điều 9, Điều 10 Thông tư này.

4. Việc mở tài khoản giao dịch chứng khoán của công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng giám sát thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Công ty quản lý quỹ được mở nhiều tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán theo nguyên tắc sau:

- Một (01) tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán của chính mình;

- Hai (02) tài khoản giao dịch chứng khoán để quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng ủy thác, trong đó một (01) tài khoản để giao dịch chứng khoán cho khách hàng ủy thác trong nước và một (01) tài khoản để giao dịch chứng khoán cho khách hàng ủy thác nước ngoài;

- Các tài khoản giao dịch cho các quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý, theo nguyên tắc mỗi quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng

khoán được mở một (01) tài khoản giao dịch đứng tên của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán.

b) Công ty chứng khoán thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được mở các tài khoản giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

- Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán chỉ được mở một (01) tài khoản giao dịch tự doanh tại chính công ty chứng khoán đó, không được mở bất cứ tài khoản giao dịch khác tại các công ty chứng khoán khác.

Trường hợp công ty chứng khoán không còn nghiệp vụ tự doanh nhưng vẫn là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán thì được tiếp tục sử dụng tài khoản tự doanh để bán hết số chứng khoán nắm giữ. Tài khoản nêu trên phải được đóng ngay sau khi bán hết danh mục. Trường hợp công ty chứng khoán còn nghiệp vụ tự doanh, nhưng không còn nghiệp vụ môi giới hoặc không phải là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán, thì được mở tài khoản giao dịch tại các công ty chứng khoán khác để thực hiện đầu tư.

- Được mở tài khoản giao dịch tại thành viên lập quỹ ETF để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ ETF. Tài khoản này được sử dụng để thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF trên thị trường sơ cấp và giao dịch mua bán chứng chỉ quỹ ETF trên thị trường thứ cấp, không dùng để thực hiện các giao dịch chứng khoán khác.

- Các tài khoản giao dịch khác theo quy định pháp luật liên quan.

c) Công ty chứng khoán thành lập ở nước ngoài được mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán trong nước theo nguyên tắc sau:

- Một (01) tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động tự doanh.

- Một (01) tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động môi giới cho các nhà đầu tư nước ngoài khác.

d) Doanh nghiệp bảo hiểm là công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch có sở hữu nước ngoài đạt từ 51% vốn điều lệ trở lên được mở hai (02) tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán theo nguyên tắc sau:

- Một (01) tài khoản giao dịch chứng khoán để giao dịch từ nguồn vốn chủ sở hữu. Chứng khoán có được từ giao dịch trên tài khoản này chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

- Một (01) tài khoản giao dịch chứng khoán để giao dịch từ nguồn thu phí bảo hiểm trong nước. Chứng khoán có được từ giao dịch trên tài khoản này không chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.